

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: **43** /2026/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Tháp, ngày **01** tháng **4** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Nhà ở;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1507/TTr-SXD
ngày 23/02/2026 và Báo cáo của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại số
3376/BC-VPUBND ngày 31/3/2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định giá cho thuê nhà ở cũ thuộc
tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 126 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Điều 62 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP;

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến công tác quản lý, vận hành cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công và các cá nhân, tổ chức đang thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công

1. Giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Việc phân cấp nhà ở cũ thuộc tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP.

3. Chế độ miễn giảm tiền thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công được áp dụng theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2026.

2. Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành bảng giá cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP. ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng, đoàn thể tỉnh;
- VP UBND: CVP và các PCVP;
- Trung tâm Tin học và Công báo;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTQH (Trân).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

PHỤ LỤC
GIÁ CHO THUÊ NHÀ Ở CỬ THUỘC TÀI SẢN CÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP
(Ban hành kèm theo Quyết định số .4.3../2026/QĐ-UBND)

1. Khu vực thuộc đô thị loại II

a) Khu vực trung tâm gồm các phường: Mỹ Tho, Cao Lãnh, Mỹ Trà, Mỹ Ngải, Sa Đéc, Gò Công, Long Thuận, Cai Lậy, Thanh Hòa, Mỹ Phước Tây, Hồng ngự, An Bình.

ĐVT: đồng/m²/tháng

Tầng nhà Cấp loại nhà	1	2	3	4	5	> 5
I	15.851	14.266	13.473	11.888	10.303	8.718
II	14.685	13.217	12.483	11.014	9.545	8.077
III	14.219	12.797	12.086	10.664	9.242	7.821
IV	9.557	8.601	8.124	7.168	6.212	5.256

b) Khu vực cận trung tâm gồm các phường: Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Trung An, Thới Sơn, Bình Xuân, Sơn Qui, Nhị Quý, Thường Lạc và xã Tân Phú

ĐVT: đồng/m²/tháng

Tầng nhà Cấp loại nhà	1	2	3	4	5	> 5
I	14.266	12.681	11.888	10.303	8.718	7.133
II	13.217	11.748	11.014	9.545	8.077	6.608
III	12.797	11.375	10.664	9.242	7.821	6.399
IV	8.601	7.646	7.168	6.212	5.256	4.301

2. Khu vực thuộc đô thị loại III: các khu vực các đô thị (được công nhận đô thị loại IV, V trước ngày 01/7/2025) thuộc các xã còn lại

ĐVT: đồng/m²/tháng

Tầng nhà Cấp loại nhà	1	2	3	4	5	> 5
I	15.058	13.473	12.681	11.096	9.510	7.925
II	13.951	12.483	11.748	10.280	8.811	7.343
III	13.508	12.806	11.375	9.953	8.531	7.110
IV	9.079	8.124	7.646	6.690	5.734	4.779